

Số: 31 /2007/NQ-HĐND

Vũng Tàu, ngày 14 tháng 12 năm 2007

## NGHỊ QUYẾT

Về dự toán thu ngân sách nhà nước trên địa bàn,  
chi ngân sách địa phương năm 2008

### HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH BÀ RỊA – VŨNG TÀU KHÓA IV KỲ HỌP THỨ 9

Căn cứ Luật Tổ chức HĐND và UBND được Quốc hội thông qua ngày 26-11-2003;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước được Quốc hội thông qua ngày 16-12-2002;

Sau khi xem xét Báo cáo số 84/BC-UBND ngày 04-12-2007 của UBND tỉnh về Ước thực hiện dự toán thu, chi ngân sách năm 2007 và xây dựng Dự toán thu, chi ngân sách năm 2008; Báo cáo thẩm tra số 72/BC-KTNS ngày 07-12-2007 của Ban Kinh tế - Ngân sách và ý kiến thảo luận của Đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp,

## QUYẾT NGHỊ:

**Điều 1.** Phê chuẩn dự toán thu ngân sách nhà nước trên địa bàn, chi ngân sách địa phương năm 2008 với các chỉ tiêu:

<u>1. Dự toán thu NSNN trên địa bàn năm 2008</u>	: 68.456,023 tỷ đồng.
Gồm:	
- Thu dầu thô	: 47.660,000 tỷ đồng.
- Thu từ hoạt động xuất nhập khẩu	: 6.550,000 tỷ đồng.
- Thu nội địa (trong đó thu xổ số kiến thiết là: 320 tỷ đồng)	: 14.008,500 tỷ đồng.
<u>2. Dự toán thu NSĐP năm 2008</u>	: 4.356,060 tỷ đồng.
Trong đó:	
- Các khoản thu NSĐP được hưởng 100%	: 765,640 tỷ đồng.
- Các khoản thu được hưởng theo tỷ lệ % phân chia	: 2.667,160 tỷ đồng.
- Thu TW bổ sung	: 365,915 tỷ đồng.
- Thu tạm ứng Quỹ Dự trữ tài chính	: 100,000 tỷ đồng.
- Thu chuyển nguồn năm trước	: 200,000 tỷ đồng.
- Vượt thu 2007 cân chi lương mới khối huyện	: 19,822 tỷ đồng.
- Thu hoàn vốn và thu hồi tạm ứng ngân sách	: 65,371 tỷ đồng.
- Thu để lại quản lý qua ngân sách	: 172,152 tỷ đồng.
<u>3. Dự toán chi NSĐP năm 2008</u>	: 4.356,060 tỷ đồng.
Trong đó:	

- Chi đầu tư phát triển	:	2.229,567 tỷ đồng.
(bao gồm chi từ nguồn thu xổ số kiến thiết là: 320 tỷ đồng)		
Trong đó: + Lĩnh vực giáo dục và đào tạo	:	409,310 tỷ đồng.
+ Lĩnh vực khoa học và công nghệ là	:	5 tỷ đồng.
- Chi thường xuyên	:	1.954,341 tỷ đồng.
Trong đó: + Lĩnh vực giáo dục và đào tạo	:	512,550 tỷ đồng.
+ Lĩnh vực khoa học và công nghệ là	:	29,120 tỷ đồng.
+ Dự phòng tài chính	:	125,473 tỷ đồng.
- Chi từ các khoản chi để lại quản lý qua NS	:	172,152 tỷ đồng.
<b>4. Dự toán thu, chi ngân sách cấp tỉnh năm 2008</b>	:	
a. Dự toán thu NSNN trên địa bàn năm 2008	:	67.295,360 tỷ đồng.
Trong đó:		
- Thu dầu thô	:	47.660,000 tỷ đồng.
- Thu từ hoạt động xuất nhập khẩu	:	6.550,000 tỷ đồng.
- Thu nội địa (trong đó: thu xổ số kiến thiết là: 320 tỷ đồng)	:	13.085,360 tỷ đồng.
b. Dự toán thu ngân sách cấp tỉnh được hưởng	:	3.759,239 tỷ đồng.
c. Dự toán chi ngân sách cấp tỉnh năm 2008	:	3.759,239 tỷ đồng.
Trong đó:		
- Chi đầu tư phát triển	:	1.961,151 tỷ đồng.
- Chi thường xuyên	:	917,758 tỷ đồng.
Trong đó dự phòng tài chính	:	93,310 tỷ đồng.
- Chi từ nguồn thu để lại quản lý qua NS	:	128,184 tỷ đồng.
- Chi bổ sung ngân sách Huyện, Thị, TP	:	752,146 tỷ đồng.
d. Dự toán chi thường xuyên cấp Tỉnh theo ngành năm 2008 là: 910,920 tỷ đồng,		
trong đó ( <i>chi tiết kèm theo biểu 01/NQ.HĐND</i> ) :		
- Chi từ ngân sách	:	782,736 tỷ đồng.
- Chi từ nguồn thu	:	128,184 tỷ đồng.
e. Dự toán chi thường xuyên cấp Tỉnh theo đơn vị năm 2008 là: 841,175 tỷ đồng,		
trong đó ( <i>chi tiết kèm theo biểu 02/NQ.HĐND</i> ):		
- Chi từ ngân sách	:	712,991 tỷ đồng.
- Chi từ nguồn thu	:	128,184 tỷ đồng.
<b>5. Dự toán thu, chi ngân sách huyện (bao gồm ngân sách cấp huyện và ngân sách cấp xã) năm 2008:</b>		
a. Dự toán thu NSNN trên địa bàn huyện	:	1.160,663 tỷ đồng.
Trong đó:		
- Các khoản thu NSH được hưởng 100%	:	224,960 tỷ đồng.
- Các khoản thu NSH được hưởng theo tỷ lệ % phân chia	:	327,893 tỷ đồng.
- Thu để lại quản lý qua ngân sách	:	43,968 tỷ đồng.
b. Thu bổ sung từ NS cấp tỉnh ( <i>kèm theo biểu 03/NQ.HĐND</i> ) :		752,146 tỷ đồng.
c. Chi ngân sách huyện	:	1.348,967 tỷ đồng.
Gồm:		
- Chi đầu tư phát triển	:	268,416 tỷ đồng.
- Chi thường xuyên	:	1.036,583 tỷ đồng.
Trong đó: Dự phòng ngân sách	:	32,163 tỷ đồng.

- Chi từ nguồn thu để lại quản lý qua ngân sách : 43,968 tỷ đồng.

**Điều 2.** Cho phép UBND tỉnh được vay Quỹ dự trữ tài chính của Tỉnh là: 100 tỷ đồng để thực hiện chi đầu tư xây dựng Trung tâm Hành chính – Chính trị tỉnh, trụ sở của Công an tỉnh, Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh.

**Điều 3.** Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu khoá IV, Kỳ họp lần thứ 9 thông qua ngày 14/12/2007, có hiệu lực thi hành sau 10 ngày kể từ ngày Kỳ họp thông qua ./.

**Nơi nhận:**

- Văn phòng Quốc Hội;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Văn phòng Chính phủ;
- Website Chính phủ;
- Bộ Tài chính;
- Bộ Tài chính (Vụ Pháp chế);
- Bộ Tư pháp (Cục kiểm tra văn bản);
- Ban Thường vụ Tỉnh ủy;
- Đoàn đại biểu Quốc hội tỉnh;
- TT.HĐND, UBND, UBMTTQ tỉnh;
- Các sở, ban, ngành, đoàn thể trong tỉnh;
- TT.HĐND và UBND các huyện, thị xã, thành phố thuộc tỉnh;
- Báo BR-VT, Đài PT-TH tỉnh, TT Công báo tỉnh;
- Lưu VT, KTNS.

[D/KTNS 7/8 NQ - NQ/9 2007]



CHỦ TỊCH

NGUYỄN TUẤN MINH

Biểu số : 01/NQ-HĐND

**BIỂU PHÂN BỐ DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH NĂM 2008 THEO NGÀNH , LĨNH VỰC**

(Kèm theo Nghị quyết số 31/2007/NQ-HĐND ngày 14 tháng 12 năm 2007)

Đ/vị tính : triệu đồng

STT	Đơn vị, ngành	Biên chế	Tổng chi ( kể cả chi từ nguồn thu để lại)	Chi từ ngân sách	Chi từ nguồn thu
A	B	1	2=3+4	3	4
<b>TỔNG CỘNG</b>		<b>7.843</b>	<b>910.920</b>	<b>782.736</b>	<b>128.184</b>
1	Chi Sự nghiệp giáo dục	1.900	110.533	97.719	12.814
2	Chi Sự nghiệp Đào tạo	442	69.561	60.776	8.785
3	Chi sự nghiệp Y tế	1.477	153.987	75.402	78.585
4	Chi SN Văn hóa TT	318	17.059	17.059	
5	Chi SN phát thanh TH	150	11.859	11.859	
6	Chi SN thể dục TT	39	7.924	7.924	
7	Chi SN xã hội và ĐBXH	283	60.908	60.908	
8	Chi SN khoa học và CN	24	29.120	29.120	-
9	Chi Sự nghiệp kinh tế	949	155.558	155.558	
10	Chi QLNN	1.731	85.702	85.702	-
11	Chi Đ/Thẻ được đảm bảo	123	8.178	8.178	
12	Chi hỗ trợ Hội, Đoàn thể	118	3.970	3.970	
13	Khối Đảng	289	32.316	32.316	
14	Khối an ninh quốc phòng	-	35.030	17.030	18.000
15	Chi trợ giá	-	550	550	
16	Chi khác ngân sách		45.921	45.921	
	-Chi trợ cấp tết		25.678	25.678	
	-Lễ hội		2.000	2.000	
	-Chỉnh lý, lưu trữ hồ sơ các sở, ngành		2.450	2.450	
	-Xúc tiến đầu tư		3.500	3.500	
	-Thực hiện NĐ số 132		5.000	5.000	
	-Chi khác		7.293	7.293	
17	Chi thi đua khen thưởng		3.000	3.000	
18	Chi chương trình mục tiêu, đề án		58.563	58.563	
19	Chi thưởng vượt thu NS cấp dưới		11.182	11.182	
20	Chi từ nguồn phạt VPHC khác		10.000		10.000

**BIỂU PHÂN BỐ DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH NĂM 2008****Khôi hành chính sự nghiệp cấp Tỉnh - Theo đơn vị dự toán**

(Kèm theo Nghị quyết số 31/2007/NQ-HĐND ngày 14 tháng 12 năm 2007)

Đ/vị tính : triệu đồng

STT	ĐƠN VỊ	Biên chế	Tổng chi (kể cả chi từ nguồn thu để lại)	Chi từ ngân sách			Nguồn thu để lại đơn vị chi		
				Tổng chi từ ngân sách	Định mức	Khoản chi chưa có trong định mức	Tổng	Gồm	
								Phản ánh qua NS	Để lại đơn vị
A	B	1	2=3+7	3	4	5	6	7	8
	<b>TỔNG</b>	<b>7.843</b>	<b>841.175</b>	<b>712.991</b>	<b>497.037</b>	<b>215.954</b>	<b>231.344</b>	<b>128.184</b>	<b>103.160</b>
<b>I</b>	<b>Đơn vị QLNN và SN</b>	<b>7.268</b>	<b>663.875</b>	<b>563.691</b>	<b>427.855</b>	<b>135.836</b>	<b>200.575</b>	<b>100.184</b>	<b>100.391</b>
1	UBND Tỉnh	84	8.918	8.918	3.192	5.726	-	-	-
2	Hội đồng nhân dân	31	3.420	3.420	1.178	2.242	-	-	-
3	Sở Kế hoạch & đầu tư	80	3.871	3.871	3.036	835	375	-	375
4	Sở Công nghiệp	42	2.226	2.226	1.591	635	579	-	579
5	Sở Nội vụ	79	29.086	29.086	15.058	14.028	430	-	430
6	Sở Giáo dục	1.967	116.926	104.112	63.898	40.214	17.814	12.814	5.000
7	Sở Y tế	1.555	173.075	94.490	79.831	14.659	80.085	78.585	1.500
8	Sở Văn hóa Thông tin	323	17.365	17.365	16.160	1.205	1.442	-	1.442
9	Sở Thể dục TT	69	9.064	9.064	9.064	-	400	-	400
10	Sở Lao động - TBXH	523	45.923	45.923	34.256	11.667	2.539	-	2.539
11	Sở Khoa học và công nghệ	73	14.234	14.234	14.182	52	842	-	842
12	Sở Tài chính	96	4.473	4.473	3.668	805	200	-	200
13	UB dân-số GD và trẻ em	29	1.204	1.204	1.102	102	-	-	-
14	Thanh tra Tỉnh -	46	2.055	2.055	1.748	307	500	-	500
15	Sở Nông nghiệp	539	47.583	47.583	24.407	23.176	22.673	-	22.673
16	Sở Thủy sản	173	9.311	9.311	5.856	3.455	5.377	-	5.377
17	Sở Giao thông	217	50.238	42.942	38.311	4.631	15.841	7.296	8.545
18	Sở Thương mại	159	5.596	5.596	4.419	1.177	1.761	-	1.761
19	Sở Tư pháp	77	3.463	3.463	2.732	731	1.198	-	1.198
20	Sở Ngoại vụ	22	1.004	1.004	836	168	320	-	320
21	Sở Du lịch	48	3.990	3.990	2.084	1.906	58	-	58
22	Sở Tài nguyên	180	7.423	7.423	6.560	863	22.890	-	22.890
23	Sở Xây dựng	95	44.019	44.019	40.021	3.998	3.047	-	3.047
24	Ban QL các khu CN	146	15.044	15.044	14.659	385	15.000	-	15.000
25	Trường cao đẳng cộng đồng	120	7.838	7.188	6.680	508	1.045	650	395
26	Trường cao đẳng sư phạm	132	10.465	9.626	8.554	1.072	1.397	839	558
27	Trường chính trị	50	3.524	3.524	3.184	340	471	-	471

STT	ĐƠN VỊ	Biên chế	Tổng chi (kể cả chi từ nguồn thu để lại)	Chi từ ngân sách			Nguồn thu để lại đơn vị chi		
				Tổng chi từ ngân sách	Định mức	Khoản chi chưa có trong định mức	Tổng	Gồm	
								Phản ánh qua NS	Để lại đơn vị
A	B	1	2=3+7	3	4	5	6	7	8
28	Đài phát thanh TH	150	11.859	11.859	11.859	-	2.801		2.801
29	Vườn Quốc gia Côn Đảo	72	6.279	6.279	5.760	519	1.490		1.490
30	TT Xúc tiến đầu tư	14	738	738	715	23	-		-
31	Ban Tôn giáo dân tộc	35	1.367	1.367	1.330	37			-
<b>II</b>	<b>Chi Đ/Thế được đảm bảo</b>	<b>168</b>	<b>10.802</b>	<b>10.802</b>	<b>6.314</b>	<b>4.488</b>	<b>2.489</b>	-	<b>2.489</b>
1	Tinh đoàn Thanh niên	66	4.704	4.704	2.436	2.268	2.489	-	2.489
2	UB Mặt trận TQVN	28	1.703	1.703	1.064	639			-
3	Hội Phụ nữ	23	1.448	1.448	874	574			-
4	Hội Nông dân	35	1.737	1.737	1.302	435	-	-	-
5	Hội Cựu chiến binh	16	1.210	1.210	638	572			-
<b>III</b>	<b>Chi hỗ trợ Hội, Đoàn thể</b>	<b>118</b>	<b>3.970</b>	<b>3.970</b>	<b>3.215</b>	<b>755</b>	<b>10</b>	-	<b>10</b>
<b>IV</b>	<b>Khối Đảng</b>	<b>289</b>	<b>34.078</b>	<b>34.078</b>	<b>15.820</b>	<b>18.258</b>	-	-	-
	Vp Tỉnh ủy	289	32.316	32.316	14.252	18.064			-
	Chi đào tạo		1.762	1.762	1.568	194	-		-
<b>V</b>	<b>Khối an ninh quốc phòng</b>	-	<b>35.030</b>	<b>17.030</b>	<b>16.740</b>	<b>290</b>	<b>18.270</b>	<b>18.000</b>	<b>270</b>
1	Công an Tỉnh		23.800	5.800	5.800	-	18.000	18.000	-
2	Bộ chỉ huy biên phòng		3.990	3.990	3.700	290	270		270
3	Bộ chỉ huy quân sự		7.240	7.240	7.240	-			-
<b>VI</b>	<b>Chi CT công nghệ thông tin</b>		<b>16.800</b>	<b>16.800</b>	<b>16.800</b>	-	-	-	-
<b>VII</b>	<b>Chi khác ngân sách</b>		<b>7.293</b>	<b>7.293</b>	<b>7.293</b>	-	-	-	-
	<i>Tr.đó: chi cho Đoàn đại biểu QH</i>		<i>600</i>	<i>600</i>	<i>600</i>				
<b>VIII</b>	<b>Chi thi đua khen thưởng</b>		<b>3.000</b>	<b>3.000</b>	<b>3.000</b>	-	-	-	-
<b>IX</b>	<b>Các nội dung khác</b>		<b>56.328</b>	<b>56.328</b>	-	<b>56.328</b>	-	-	-
1	Chi trợ cấp tết		25.678	25.678	-	25.678			-
2	Lễ hội		2.000	2.000	-	2.000			-
3	Chỉnh lý, lưu trữ hồ sơ các sở, ngành		2.450	2.450	-	2.450			-
4	Xúc tiến đầu tư-		3.500	3.500	-	3.500			-
5	Chi hỗ trợ trả lãi suất nuôi bò cho hộ nghèo		10.200	10.200	-	10.200	-		-
6	Chi xử lý rác		6.500	6.500	-	6.500	-		-
7	Công tác đào tạo giáo dục chuyên nghiệp		500	500		500			-
8	Công tác đào tạo nghề		500	500		500			-
9	Thực hiện ND số 132		5.000	5.000		5.000			-
<b>X</b>	<b>Chi từ nguồn phạt vi phạm hành chính khác</b>						<b>10.000</b>	<b>10.000</b>	-

Biểu số : 03/NQ-HĐND

**SỐ BỔ SUNG TỪ NGÂN SÁCH CẤP TỈNH CHO NGÂN SÁCH  
TỪNG HUYỆN , THÀNH PHỐ , THỊ XÃ THUỘC TỈNH NĂM 2008**

(Kèm theo Nghị quyết số 31/2007/HĐND-NQ ngày 14 tháng 12 năm 2007)



Đơn vị : Tr.đ

STT	Tên đơn vị	Số Bổ Sung 2008		
		Tổng số	Bổ sung cân đối	Bổ sung có mục tiêu
	<b>Tổng số</b>	<b>752.146</b>	<b>700.964</b>	<b>51.182</b>
1	Thành phố Vũng tàu	48.698	48.698	
2	Thị Xã Bà rịa	92.261	86.750	5.511
3	Huyện Tân thành	92.381	82.899	9.482
4	Huyện Long điền	83.699	78.337	5.362
5	Huyện Đất đỏ	80.966	75.853	5.113
6	Huyện Châu đức	130.730	121.954	8.776
7	Huyện Xuyên mộc	149.076	136.523	12.553
8	Huyện Côn đảo	74.335	69.950	4.385